TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUYỆN PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **30**/2021/DS-ST
Ngày: 12/5/2021
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P– TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Mứt
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pmở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2020/TLST-DS ngày 23/12/2020 về tranh chấp*"Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trịnh Trung K, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 280/1, ấp A Đ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt có đơn)

2. Bị đơn: Cao Văn Lối, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 100/5, ấp AK, xã A Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Lê Thị R, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 100/5, ấp AK, xã AĐ, huyện T P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/5/2021 nguyên đơn anh Trịnh Trung Ktrình bày:

Ông Cao Văn Lvà bà Lê Thị R mua thiết bị sử dụng cho việc nuôi tôm của đại lý thức ăn Hải Phong do anh làm chủ sau khi mua thì ông Lvà bà R còn nợ của anh Ksố tiền vốn: 55.402.000đồng, có làm bản cam kết nợ ngày 30/7/2019, số nợ này đến nay ông Lvà bà R chưa trả.

Nay anh Kyêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lvà bà Rcó nghĩa vụ liên đới trả cho anh Ktổng số tiền 64.117.000 (Sáu mươi bốn triệu, một trăm mười bảy nghìn) đồng. Trong đó: nợ gốc 55.402.000đồng, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 31/7/2019 đến ngày 30/4/2021 là 21 tháng), mức lãi suất 0,75%/tháng với số tiền là 8.715.000 đồng (tính mỗi tháng 415.000đ/tháng).

Tại phiên tòa bị đơn ông Cao Văn Lvắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 31/12/2020 bị đơn ông Ltrình bày:.

Ông Lthừa nhận hiện nay ông Lvà bà Lê Thị R còn nợ đại lý Hải Phong do anh Trịnh Trung Klàm chủ đại lý với số tiền vốn là 55.402.000 (năm mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn) đồng. Ông Lvà bà R đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Ksố tiền nợ gốc này và đồng ý trả mức lãi suất 0,75%/tháng theo yêu cầu của anh Knhưng xin được trả dần hai lần trong thời hạn 06 tháng.

Ông Lthừa nhận việc mua bán này là sử dụng cho mục đích chung của gia đình. Ông Lvà bà R hiện nay là vợ chồng hợp pháp, còn sống chung với nhau hạnh phúc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Rở đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trịnh Trung Ktranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Cao Văn Ltheo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trịnh Trung Kcó đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Cao Văn Lvà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Rvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn anh Trịnh Trung Kvới bị đơn ông Cao Văn Lđược giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Cao Văn Lđã thừa nhận hiện nay ông Lvà bà Lê Thị Rcòn nợ đại lý Hải Phong do anh Trịnh Trung Klàm chủ đại lý với số tiền vốn là 55.402.000 (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn) đồng. Ông Lvà bà Rđồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Ksố tiền nợ gốc này và đồng ý trả mức lãi suất 0,75%/tháng theo yêu cầu của anh Knhưng xin được trả dần hai lần trong thời hạn 06 tháng.

Xét thấy ông Cao Văn Lđã thừa nhận là ông và bà Lê Thị R còn nợ anh Trịnh Trung Ksố tiền nợ gốc 55.402.000đồng và đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của anh K8.715.000 đồng nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Trung

Kbuộc ông Cao Văn Lối, bà Lê Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Kso tiền 64.117.000 (Sáu mươi bốn triệu, một trăm mười bảy nghìn) đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của ông Lkhông được anh Kđồng ý nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông Lối.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Lối, bà Rphải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông Lối, bà R có nghĩa vụ liên đới nộp (64.117.000 đồng x 5%) là: 3.205.850đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Trung Kiên. Buộc ông Cao Văn Lối, bà Lê Thị R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Kso tiền 64.117.000 (Sáu mươi bốn triệu, một trăm mười bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Văn L, bà Lê Thị R có nghĩa vụ liên đới nộp: 3.205.850đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh Trịnh Trung Kđược Chi cục thi hành án dân sự huyện Phoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.561.500đồng theo biên lai thu số 0005537, ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).